

ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH SỚ

QUYỂN 8

Từ đây trở xuống là phần 8: Trình bày trong pháp tòa xuất hiện Đại chúng. Trong đó phần Trưởng hàng phân làm mười đoạn: Một- Trình bày về nơi xuất hiện. Hai- Hiện bày về chủng loại của Chúng. Ba- Nêu ra tên gọi của Chúng. Bốn- Kết luận về số lượng của Chúng. Năm- Phát khởi cúng dường khắp nơi. Sáu- Cúng dường vô lượng Đại chúng. Bảy- Cung kính vòng quanh Đức Phật. Tám- Chỗ ngồi theo phương của mình. Chín- Ca ngợi năng lực công đức. Mười- Nói kệ ca ngợi.

Một: Trình bày về nơi xuất hiện: Tòa ngồi tức là tổng quát, vật báu... là riêng biệt. Từ “Như thị đẳng...” trở xuống là kết luận mở rộng thuận theo tóm lược, không phải chỉ có vòng tròn (Luân) cho nên nói là tất cả. Sở dĩ nơi này có thể xuất hiện, là bởi vì pháp tòa đầy đủ Y-Chánh thuộc pháp giới, mỗi một mảy trần dung thông lẫn nhau, tất cả đều rộng lớn chứa đựng khắp nơi. Pháp tòa đã rộng khắp thì thế giới luôn luôn ở trong pháp tòa, cho nên từ trong đó xuất hiện chứ không phải biến hóa. Nếu dựa theo nhân của Pháp Không, và pháp tòa của Pháp Không, thì vạn hạnh làm trang nghiêm có thể sinh ra Bồ-tát.

Hai: Từ “Nhất nhất...” trở xuống là hiện bày về chủng loại của Chúng đều là Bồ-tát.

Ba: Từ “Kỳ danh...” trở xuống là nêu ra tên gọi của Chúng: Nơi xuất hiện đã nhiều thì tên gọi cũng nhiều loại, tóm lược nêu ra mười tên gọi của vị Thượng thủ mà thôi, tức là như thứ tự mười phương.

Bốn: Từ “Như thị đẳng...” trở xuống là kết luận về số lượng của Chúng: Vật dụng trang nghiêm không phải một, cho nên có vô lượng các Đại chúng.

Năm: Từ “Thử chư Bồ-tát...” trở xuống là phát khởi cúng dường khắp nơi.

Sáu: Từ “Bĩ chư...” trở xuống là cúng dường vô lượng Đại chúng:

Rất nhiều Bồ-tát đều phát khởi vô lượng vật dụng cúng dường khắp nơi, đã trùng điệp khó nghĩ bàn, huống hồ nối tiếp nhau không dứt. Nhưng các vật dụng cúng dường đều gọi là mây (Vân), chính là có nhiều nghĩa, nghĩa là sắc tướng hiển bày rõ ràng, Trí thu nhận Vô tánh thuận theo tánh Không của pháp, pháp Vô sinh đầy khởi chủ động hiện rõ-thụ động hiện rõ; vượt xa không hề có nương tựa, ứng với Dụng mà đến, đến không hề có nơi bắt đầu; Dụng tàn lụi mà đi, đi không hề có nơi đến, mà có thể chứa đầy mưa pháp Từ Bi rưới xuống tưới thấm, làm lợi ích cho vạn vật trùng trùng vô ngại, có trạng thái như mây vậy. Các văn từ trên xuống dưới, nghĩa về mây đều như vậy.

Bảy: Từ “Hiện thị vân dĩ...” trở xuống là trình bày về cung kính vòng quanh Đức Phật: Thuận theo hướng về thiết tha chiêm ngưỡng mà không đầy đủ, thậm chí hàng trăm ngàn lần.

Tám: Từ “Tùy kỳ...” trở xuống là ngôi theo phương của mình, đan xen vào nhau mà không lẫn tạp. Như con của Sư tử cũng là Sư tử, cho nên pháp tòa của Bồ-tát cũng gọi là tòa Sư tử. Tự hóa hiện-tự an tọa, bởi vì tự tâm trí mình hiện bày cũng là nơi an trú của mình. Chư Phật Bồ-tát an tọa đều ngôi xếp bằng tròn, bởi vì làm quy phạm cho chúng sinh. Trí Luận dẫn kệ nói rằng: “Như xếp bằng tròn mà an tọa, thân yên ổn tiến vào Tam-muội...”

Chín: Từ “Thị chư Bồ-tát...” trở xuống là ca ngợi năng lực công đức, có mười hai câu, câu đầu là tổng quát, còn lại là riêng biệt. Riêng biệt hiển bày mỗi một câu đều là một loại thanh tịnh rộng lớn, sơ lược gộp lại làm ba: Đầu là ba câu trình bày về ba nghiệp thanh tịnh rộng lớn: 1- Trí chứng tất cả các pháp; 2- Thân thuận theo hạnh của Phật; 3- Ngữ tiến vào trong vô lượng biện tài, một nghĩa mong cầu cũng bao gồm ba nghiệp. Tiếp là ba câu trình bày về đạt được pháp thanh tịnh rộng lớn: 1- Đạt được giải thoát thuộc Tự phần; 2- Trú vào quả vị thuộc Thắng tiến; 3- Đầy đủ tất cả các Tổng trì. Nói về Phổ Môn Địa thì giống như đầu kinh đã bước vào Phổ Quang Minh Địa của Như Lai. Sau là năm câu về phước trí thanh tịnh rộng lớn: Hai câu đầu là chính thức trình bày, ba câu sau là hiển bày lại.

Trong hai câu đầu: 1- Trí an trú trong Lý-Sự, cho nên nói là khéo léo an trú; 2- Phước không có gì không tu, cho nên phát sinh tin tưởng-hoan hỷ. Nhưng ba đời bình đẳng, đầu kinh đã trình bày. Nay lại sơ lược nêu ra, nghĩa là dựa vào chúng sinh và Phật khéo léo an trú bình đẳng. Lại dựa vào Phật mà nói thì Phật-Phật đều bình đẳng, bởi vì Pháp thân-Trí thân không có tăng-giảm. Nếu dựa vào chúng sinh thì chúng

sinh-chúng sinh đều bình đẳng, bởi vì phiền não-nghiệp khổ-chi Hữu đều giống nhau. Nếu chúng sinh và Phật hướng về với nhau, thì phàm phu hiện tại đều là Phật quá khứ, tiến tu đạt được quả đều là Phật hiện tại, thành Phật cứu cánh đều là Phật thường trú. Đây là dựa theo ba đời hướng về với nhau. Phiền não thì Phật xưa có mà nay không có, chúng sinh thì xưa không có mà nay có; Bồ-đề thì chúng sinh xưa có mà nay không có, chư Phật thì xưa không có mà nay có. Dựa theo mê-ngộ khác nhau thì nói xưa-nay, tánh của Niết-bàn không phải ba đời thâm nhiếp. Vì vậy biết rằng có pháp thuộc về ba đời, thì điều này là vô lý. Nếu dùng tánh thanh tịnh mà nói, thì Phật cùng với chúng sinh hiện tại là bình đẳng, mà không trở ngại do mê-ngộ khác nhau. Vì vậy Tam thừa cũng có sai biệt, cũng không có sai biệt. Chúng sinh Tịch diệt tức là Pháp thân, Pháp thân tùy duyên tức là chúng sinh. Tịch diệt không phải là không có chúng sinh, luôn luôn không khác với Chân mà thành lập. Tùy duyên không phải là có Pháp thân, luôn luôn không khác với Sự mà hiển bày rõ ràng. Vì vậy tất cả các pháp nhiễm-tịnh trong ba đời, không có gì không bình đẳng, hướng hỗ xứng với tánh thu nhận lẫn nhau. Hiểu rõ như vậy thì gọi là khéo léo an trú trong Địa của Nhất thiết trí, như mặt đất có thể sinh ra, nhưng cuối cùng quay về với mặt đất; vạn pháp dựa vào trí của Phật, cuối cùng cũng đến Nhất thiết trí.

Trong ba câu sau là hiển bày lại: 1- Làm thanh tịnh chướng ngại của phước trước đây, mà khiến cho các phước thanh tịnh vô biên; 2- Thành tựu Trí tuệ cao nhất, nhờ vào quán sát pháp giới hư không; 3- Gần với duyên thù thắng cho nên thành tựu hai pháp trước đây.

Mười: Từ “Nhĩ thời...” trở xuống là trong phần nói kệ ca ngợi Đức Phật, mười vị Bồ-tát nói kệ khác nhau, tức là mười đoạn.

Ngay trong đoạn một, tụng của Bồ-tát Hải Tuệ ca ngợi về thân Phật và pháp tòa: Năm kệ đầu ca ngợi thân Phật đầy đủ công đức: 1- Ca ngợi về Trí tuệ; 2- Ca ngợi về công đức; 3- Ca ngợi về thần thông; 4- Ca ngợi về nhân sâu xa; Ca ngợi về quả thù thắng. Năm kệ sau ca ngợi về an tọa trang nghiêm tốt đẹp, Chúng này đã xuất hiện từ pháp tòa, cho nên phần nhiều ca ngợi về pháp tòa; văn đều có thể biết.

Trong đoạn hai, mười tụng của Bồ-tát Lô Âm ca ngợi về pháp tòa và mặt đất, văn phân ra ba mục riêng biệt: 1- Bốn kệ đầu trực tiếp ca ngợi về pháp tòa, có thể biết. 2- Ba kệ tiếp ca ngợi mặt đất ở tại đạo tràng, tức là chuyển sang hiển bày về pháp tòa trang nghiêm, trong đó: Một kệ đầu tổng quát hiển bày về nhân sâu xa-đức rộng lớn, cho nên sự trang nghiêm khó nghĩ bàn; từ “Kim cang...” trở xuống là riêng biệt hiển

bày; một câu cuối cùng là kết luận về pháp tòa quý báu sáng ngời. Sau là ba kệ ca ngợi về sự trang nghiêm trên mặt đất, trong đó: Hai kệ trước là Thần chủ về Đất phát khởi cúng dường trang nghiêm, một kệ sau là uy lực của Phật lần lượt chuyển tiếp mà trang nghiêm.

Trong đoạn ba, tụng của Bồ-tát Chúng Bảo Quang Kế ca ngợi, chỉ ca ngợi về đức khác lạ nơi mặt đất của đạo tràng, mười tụng phân hai: Năm kệ trước nói về Đức-Dụng tròn vẹn đầy đủ, năm kệ sau nói về pháp giáo hóa lưu thông. Nói là thuận theo thuyết giảng như Phật trên pháp tòa, là văn của năm vòng-chín Hội, một thời giáo hóa tùy theo thích hợp mà thuyết giảng, đã phát triển đầy đủ ở trong mặt đất của đạo tràng.

Trong đoạn bốn, tụng của Bồ-tát Đại Trí Nhật ca ngợi về cung điện thuộc trú xứ của Phật, mười tụng phân hai: Đầu là một kệ tổng quát trình bày, bởi vì đoạn tiếp là ca ngợi về nơi chốn để làm sáng tỏ về con người, cho nên kệ này nêu ra con người để hiển bày về nơi chốn. Ngưng là dung mạo nghiêm chỉnh, Túy là nhìn, nghĩa là cung kính mà nhìn. Sau là chín kệ riêng biệt trình bày, trong đó có hai: Trước là bốn kệ trình bày về Thể của cung điện thâm nhiếp các đức, tức là mở rộng về nửa kệ trước; sau là năm kệ trình bày về Diệu Dụng tự tại, tức là mở rộng về nửa kệ sau.

Trong bốn kệ trước: Một kệ đầu là cung điện tuy chiếu rọi rực rỡ mà Đức Phật an tọa thêm sáng ngời, tức là mở rộng về sáng ngời rực rỡ soi chiếu trong cung điện trước đây. Hai kệ tiếp là sơ lược phân rõ về bảy loại trang nghiêm, kết thúc dùng biển Trí, mở rộng về cung kính mà nhìn nơi Pháp đường trước đây. Nghĩa là bên trong cột trụ quý báu chống đỡ-mái hiên rủ xuống linh vàng, bên ngoài cửa ngõ mở ra-trên bậc thêm rải hoa treo rèm, cây quý báu chiếu rọi xen nhau-chuỗi ngọc quý báu rủ xuống khắp nơi, là bảy loại trang nghiêm. Như mây giăng khắp, là trùng trùng vô lượng, lớp lớp nương theo nhau. Trên đây nói cung kính mà nhìn là mắt nhìn không chớp, chỉ là do bên trong không có sóng Thức, cho nên nói là biển Trí trong veo. Một kệ tiếp, lồng lộng (La) thì dùng lưới giăng quý báu, bày ra (Liệt) thì dùng cột cao thơm ngát, tỏa ra (Bố) thì dùng ngọn lửa sáng ngời, che kín (Phú) thì dùng vật dụng trang nghiêm, kết thúc nói là vượt lên trên thế gian, tức là mở rộng về Pháp đường thuộc trú xứ của Thế Tôn trước đây. Ánh sáng như mây giăng khắp, là như mây ngũ sắc gập mặt trời trên dưới đều sáng ngời.

Trong năm kệ sau: 1- Lồng lộng thân mây để điều phục chúng sinh, chính thức hiển bày về hiện rõ quốc độ khắp mười phương ở văn

trước. 2- Cây quý báu hiện rõ sự trang nghiêm của ba đời. 3- Sơ lược nêu ra nhiều loại trang nghiêm. 4- Tức là những sự trang nghiêm trước đây cuốn lại thấu nhiếp nhiều loại trang nghiêm trùng trùng nơi Đức Phật an tọa. 5- Kết thúc ca ngợi về chủ-bạn vô tận như mây hội tụ.

Trong đoạn năm, tụng của Bồ-tát Bất Tư Nghị tổng quát ca ngợi về đức tự tại của cây cối nơi đạo tràng, có mười tụng phân hai: Đầu là một kệ tổng quát hiển bày, nghĩa là nhân xưa kia với nguyện lực sâu rộng khó nghĩ bàn, thần thông hiện tại duyên vào sinh ra quả trang nghiêm thanh tịnh. Sau là chín kệ riêng biệt hiển bày phân ba: 1- Năm kệ ca ngợi về cây cối có đủ đức trang nghiêm cho đạo tràng, trong đó: Đầu là hai kệ về thân cây sừng sững vút cao, tiếp là hai kệ về cành lá tốt tươi che bóng, sau là một kệ về hoa trái thơm ngát rực rỡ. 2- Có một kệ ca ngợi về mặt đất nơi đạo tràng, lười giăng hoa sen nghĩa là hoa sen trải khắp mặt đất thì vòng ánh sáng xoay chuyển phía dưới, lười giăng quý báu lồng lộng hư không thì giữa mây phát ra tiếng vang. 3- Có ba kệ ca ngợi về cây cối tự tại: Một kệ đầu là thu vào, hai kệ sau là sinh ra.

Trong đoạn sáu, tụng của Bồ-tát Bách Mục, cùng ca ngợi về cây cối nơi đạo tràng đầy đủ các đức, pháp giáo hóa tự tại thuyết giảng lưu thông, chín kệ trước đều nói về một môn, một kệ sau là kết luận về sự trang nghiêm rộng khắp, văn đều hiển bày có thể biết.

Trong đoạn bảy, tụng của Bồ-tát Kim Diệm ca ngợi về công đức thuộc mười Lực của Phật, một tụng là nói về một Lực. Văn sau các kinh nhiều lần trình bày về mười Lực, là đức Bất cộng của Phật, Phật-Phật đều có, Bồ-tát duyên vào đây mà phát tâm. Phẩm Phạm Hạnh nói: “Lại cần phải tu tập, trong mỗi một Lực có vô lượng nghĩa, đều cần phải thưa hỏi, vì vậy không thể không biết.” Nhưng kinh Đại Bát Nhã quyển thứ 53, luận Hiển Dương quyển thứ 4, luận Đối Pháp quyển thứ 14 mở rộng phân rõ. Nay sơ lược dùng bảy môn để phân biệt: Một-Lập ý; hai-Giải thích tên gọi; ba-Tự tánh; bốn-Tác nghiệp; năm-Thứ tự; sáu-Sai biệt; bảy-Giải thích văn. Nhưng hiểu rõ về tên gọi ấy thì nhận biết về tác nghiệp, đối chiếu văn để đoán định lựa chọn sai biệt dễ thấy, cho nên đem phân tác nghiệp sai biệt, và phân giải thích tên gọi riêng biệt, cùng hiển bày ở trong phần giải thích văn.

Một: Lập ý: Ý của Trí Luận nói: “Hiển bày về Phật là bậc Đại nhân, có lực chân thật, khiến cho ngoại đạo thật lòng tin phục, Nhị thừa mong mỏi hưởng đến, Bồ-tát học theo đó có thể thành tựu Đại sự, cuối cùng đạt được quả ấy, cho nên cần phải phân rõ.” Như Lai chỉ có một Trí lực về Thật tướng của các pháp (Duy nhất chư pháp thật tướng trí

lực). Lực này có mười loại Dụng, cho nên nói là mười, nghĩa là đối với mười cảnh giới đều nhận biết chính xác tường tận. Dựa vào thời gian-phẩm loại nối tiếp nhau để phân biệt thì có vô lượng lực, nhưng nhân duyên hóa độ chúng sinh chỉ nói đến mười, đủ để thực hiện sự nghiệp ấy. Nghĩa là dùng Lực thứ nhất để nhận biết có thể hóa độ-không có thể hóa độ, tiếp theo dùng Lực về Nghiệp để nhận biết có chương ngại-không có chương ngại, dùng Lực về Định để nhận biết đấm theo ý vị-không đấm theo ý vị, dùng Lực về Căn để nhận biết Trí nhiều-ít, dùng Lực về Dục để nhận biết về những điều ưa thích, dùng Lực về Tánh để nhận biết nơi đến của tâm sâu xa, dùng Lực về Chí Xứ để tính toán suy nghĩ về môn giải thoát cho chúng sinh, dùng Lực về Túc Mạng để phân biệt trước đây từ nơi nào đến, dùng Lực về Sinh Tử để phân biệt về nơi sinh tốt-xấu, dùng Lực về Lưu Tận để nhận biết chúng sinh đạt được Niết-bàn. Đức Phật dùng mười Lực này suy xét tường tận mà hóa độ chúng sinh, cho nên chỉ nói đến mười.

Hai: Giải thích tên gọi: Trước là tên gọi tổng quát, sau là tên gọi riêng biệt.

Trước là tên gọi tổng quát: Lực là nghĩa về có thể phá tan oán địch, nghĩa về không thể nào khuất phục, cho nên gọi là Lực. Luận Du Già nói: “Giúp cho tất cả các loại, làm lợi ích cho tất cả hữu tình, bởi vì công năng vốn có tương ứng; hoàn toàn thù thắng làm cho tất cả ma oán đều quy phục, bởi vì uy lực to lớn, cho nên nói tên gọi là Lực.” Luận Đối Pháp nói: “Khéo léo trừ diệt các loại ma, khéo léo ghi nhớ hỏi han luận bàn, vì vậy mười pháp ấy gọi là Lực.” Mười là số, là Đối số thích. Sau là tên gọi riêng biệt, đến văn sẽ giải thích.

Ba: Tự tánh: Luận Du Già quyển thứ 57 nói: “Phật có đủ Tri căn-Tuệ căn làm Thể.” Luận Đối Pháp nói: “Hoặc là Định-hoặc là Tuệ, và các tâm-tâm sở tương ứng ấy làm tánh.” Trong kinh Bồ Tát Địa, toàn bộ dùng năm căn làm tánh. Tổng quát về văn nghĩa ấy, thích hợp có đủ sáu loại: 1- Thể thù thắng nhất, trong phần Quyết trạch lấy Tuệ căn làm tánh. 2- Thể dẫn dắt sinh khởi, luận Đối Pháp gồm đủ Định. 3- Thể hạn định về quả, kinh Bồ Tát Địa nói: “Năm căn làm tánh, bởi vì Tuệ thù thắng.” Lại nói mười Lực lấy Tuệ làm tự tánh, cho nên chỉ nói đến Trí lực như Xứ-phi xứ..., chứ không nói đến Lực như Tín-Tinh tiến... 4- Thể tương ứng, luận Đối Pháp bao gồm chọn lấy bốn uẩn tương ứng với tâm pháp làm tánh. 5- Thể quyền thuộc, lấy năm uẩn như Định cộng-Đạo cộng-Vô lậu-Sắc... làm Thể, bởi vì hỗ trợ cho Thể. Điều này tuy không có văn, nhưng lý nhất định phải như vậy, bởi vì ngăn chặn cấu nhiễm do

phạm giới mà hỗ trợ phá bỏ oán địch. 6- Dựa vào kinh này, dung thông tất cả các pháp dùng làm tánh ấy, bởi vì pháp giới vô ngại vốn là lý phải như vậy.

Bốn: Tác nghiệp: Tức là phân rõ về tướng, đến văn sẽ hiển bày.

Năm: Thứ tự: Các văn thì hoặc có nơi trình bày trước, lại đều có nguyên cớ; văn này đã nêu ra thứ tự, cùng với phẩm Thập Trú hoàn toàn giống nhau; phẩm Tịnh Hạnh thì Giới (thế giới) ở trước Giải (hiểu biết), phẩm Phạm Hạnh thì Thiên định-Giải thoát là vị trí thứ ba, Túc mạng ở sau Thiên nhân, còn lại giống như thứ tự ở đây. Luận Du Già quyển thứ 49, và Trí Luận quyển thứ 27, cũng là Thiên định ở vị trí thứ ba, còn lại giống như thứ tự ở đây. Lại dựa vào luận để trình bày về thứ tự, Trí Luận nói: “Lực thứ nhất là tổng quát, chín Lực còn lại là riêng biệt, bởi vì ở trong Lực thứ nhất phân biệt có chín loại, một Lực thứ nhất tổng quát nhận biết về vạn pháp, chín Lực còn lại là lần lượt chuyển tiếp tách ra. Nghĩa là đầu tiên khiến cho nhận biết về nhân duyên-quả báo, cho nên phát khởi Lực về Nghiệp. Tiếp là vì nghiệp-phiền não mà ràng buộc thanh tịnh, Thiên định vốn là giải thoát, hiểu biết khiến cho trừ bỏ ràng buộc dựa vào hiểu biết. Tiếp là căn có nhanh nhạy-chậm chạp, chậm chạp là vì có tạo nghiệp, nhanh nhạy là vì không sinh khởi. Nghiệp tích tập do hai Dục thiện-ác mà thành tựu căn bậc Thượng-Hạ, hai loại Dục này do hai loại Tánh, bởi vì có đủ loại nhân duyên của tánh, mà thực hành hai loại Đạo, đó là thiện đạo và ác đạo. Tiếp là nhận biết về quá khứ ấy, xét kỹ về vị lai kia. Tiếp là dùng phương tiện phá hủy nhân duyên-quả báo nối tiếp nhau ấy, cho nên nói đến Lưu tận.” Luận Du Già có nhiều môn theo thứ tự, rộng ra như quyển thứ 50 trình bày.

Trên đây là dựa vào luận theo thứ tự, nhưng nay Thiên ở vị trí thứ bảy, hai luận và phẩm Phạm hạnh, bởi vì đối với nghiệp của chính mình, có lìa xa Dục-không lìa xa Dục, cho nên Thiên ở vị trí thứ ba; phẩm Thập Trú trong kinh này, bởi vì đối với hành hưởng về khắp nơi, có thanh tịnh-không thanh tịnh, cho nên ở vị trí thứ bảy. Nếu tập khí của Dục trở thành tánh thì Giới ở sau Dục, nếu do tánh mà khởi lên Dục thì Giới ở trước Dục. Nếu người chấp Thượng thì trước phải nói đến Túc trú, nếu vì người chấp Đoạn thì trước phải phân rõ về Thiên nhân; còn lại không có lý riêng biệt, cho nên kinh luận đều xác định.

Sáu: Sai biệt: Bởi vì mười Lực này lần lượt chuyển tiếp hưởng về với nhau, cũng có sai biệt, cũng không có sai biệt, đến văn sẽ trình bày.

Bảy: Giải thích văn: Nhưng tông chỉ của kinh này khác với nghĩa, mà đều dung thông thấu nhiếp. Trong mỗi một Lực thấu nhiếp đầy đủ mười Lực, cho đến bao gồm tất cả pháp giới, vì vậy Túc mạng mới nói là Trí bao gồm ba đời. Thiên nhân là thấy tất cả pháp giới, mà không chỉ là thấy tất cả; Phật nhân như hư không tức là pháp giới, mà không chỉ là Trí bao gồm, cũng có thể lập tức hiện rõ ở lỗ chân lông; nghiệp lực tức là quán sát pháp tánh, lẽ nào chỉ là hữu vi? Dựa theo môn có khác nhau mà không làm hỏng tông chỉ ấy.

Trong kệ một: Tức là Trí lực về Xứ-phi xứ (Xứ-không phải xứ), nghĩa là nhân thiện-quả vui thì điều này là có, nhân thiện-quả khổ thì điều này là không có; nhân ác-quả khổ... dựa theo trên có thể biết. Xứ là nghĩa về kiến lập, dựa vào nghĩa mà khởi lên nghĩa, có thể kiến lập quả làm chỗ dựa cho quả, có thể khởi lên pháp của quả cho nên thiết lập tên gọi của Xứ, đích thực nhận biết đối với điều này cho nên gọi là Trí lực. Tác nghiệp về Trí lực ấy, tức là nhận biết đúng như thật về nhân cùng với quả, và có thể hàng phục đủ loại tranh luận về không có nhân-nhân xấu ác. Đã nhận biết tất cả rồi có thể hóa độ thì hóa độ, không thể hóa độ thì làm nhân duyên cho họ. Trong văn, nửa kệ trước là nhân quá khứ, nửa kệ sau là hiển bày về Trí lực, đích thực hiểu biết rõ ràng đối với các cảnh giới, tức là phân rõ về Lực này tổng quát nhận biết về tất cả các pháp.

Trong kệ hai: Tức là Trí lực về Quá-vị-hiện tại nghiệp báo (Nghiệp báo của ba đời), luận Du Già gọi là Trí lực về tự nghiệp. Nay nói tất cả nghiệp, nghĩa là ba nghiệp như thiện... ở trong ba đời, và thuận theo hiện tại... đều gọi là tự nghiệp, bởi vì đối với nghiệp thuộc quả thọ dụng do mình đã làm ra, nhận biết đúng như thật, cùng với Lực thứ nhất nào sai khác. Nếu đích thực nhận biết rõ ràng về nghiệp thiện đã tạo ra... mà cảm quả yêu thích..., thì đây là do Lực thứ nhất. Nếu hiểu rõ có thể tạo nghiệp thiện-ác... mà cảm quả yêu thích..., thì đó là Lực về tự nghiệp. Trong văn, nửa kệ trước là nhân quá khứ, nửa kệ sau là quả hiện tại.

Trong kệ ba: Tức là Trí lực về Căn thắng-liệt (Căn thù thắng-yếu kém), nghĩa là năm căn như Tín..., ở đây Hạ-Trung-Thượng gọi là thù thắng-yếu kém. Nhận biết chính xác đối với điều này, và có thể đối với điều ấy như thích hợp-như thuận theo, để thuyết giảng Chánh pháp, tức là tác nghiệp. Trong văn, ba câu đầu là nhân quá khứ, một câu sau là quả hiện tại.

Trong kệ bốn: Tức là Trí lực về Chủng chủng Giải (đủ loại hiểu biết), cũng gọi là Thắng giải, nghĩa là như thuận theo người khác phát

khởi niềm tin lấy đó làm trước tiên, hoặc là quán sát các pháp lấy đó làm trước tiên, thành tựu niềm yêu thích Hạ-Trung-Thượng, gọi là đủ loại Thắng giải, cũng gọi là Dục. Dục nghĩa là tin tưởng vui mừng ưa thích, như hoặc là tham tài lợi, hoặc là thích danh tiếng, thích Định-thích Tuệ, đủ loại không giống nhau. Như Lai nhận biết chính xác, khiến cho rời bỏ bất tịnh, tăng thêm đối với thanh tịnh. Lực này cùng với Lực về căn trước đây có gì khác nhau? Căn dựa theo quá khứ thành tựu Trí có nhiều-ít, Giải dựa theo hiện tại phát khởi yêu thích không giống nhau. Luận nói: Nếu soi chiếu các căn làm trước tiên, đủ loại ý thích trong những pháp ấy, thì đó là Trí lực về căn. Nếu đích thực phân biệt về ý thích sai biệt, thì đó là Trí lực về Giải. Ở trong văn có thể thấy.

Trong kệ năm: Tức là Trí lực về Chủng chủng Giới (đủ loại thế giới). Giới tức là tánh, nghĩa là hoặc thuộc tánh của Nhất-Nhị-Tam-Tứ-Ngũ thừa...; hoặc là phạm vi của hành... thuộc tham-sân-si..., cho đến tám vạn bốn ngàn hành gọi là đủ loại tánh. Tánh tức là chủng tử, tức là hiện hành của Giải. Vì vậy Trí Luận nói: “Tánh gọi là tướng tích tập.” Lại trong quyển thứ 90 nói: “Tánh bên trong-Dục bên ngoài, dùng tánh làm ra nghiệp nhất định phải nhận lấy quả báo, dục thì có lẽ không như vậy.” Luận Du Già nói: “Nếu soi chiếu Thắng giải mà khởi lên chủng tử tương tự, thì đây là do Lực về Giải. Nếu soi chiếu ngay nơi chủng tử sai biệt ấy, thì do Trí lực về Giới. Nếu tập khí của Dục trở thành tánh, thì vì sao lại sai khác? Dục chỉ là một số của Đại địa, tánh bao gồm các số, tức là rộng-hẹp không giống nhau.” Trí Luận nói: “Tập khí của Dục trở thành tánh, tánh gọi là tâm sâu xa; sự việc của Dục gọi là tùy theo duyên khởi. Nếu tánh chính là chủng tử thì cùng với căn có gì khác nhau? Căn chỉ là hơn-kém như Tín..., tánh bao gồm thiện-ác không giống nhau, bởi vì Tín... hưởng về quả rộng rãi và lâu dài, có thể phát sinh Thánh đạo Tam thừa của trời-người, làm gốc rễ của Đạo; ba thiện căn chỉ là nghĩa vượt qua so sánh không hưởng về quả, hãy còn không gọi là căn, hưởng hồ tánh bao gồm đối với ác, thì lẽ nào có thể giống nhau hay sao?” Kệ nói đều có thể hiển bày rõ ràng trong lỗ chân lông, nghĩa là không những trí Phật như hư không bao gồm tiếp nhận tánh của chúng sinh, mà hư không trong lỗ chân lông cũng hiện bày thế giới của chúng sinh.

Trong kệ sáu: Tức là Trí lực về Nhất thiết chí xứ đạo (tất cả đến nơi đạo), luận gọi là Trí lực về Biến thú hành (hành hưởng đến khắp nơi). Biến tức là tất cả, Thú tức là đến, Hành tức là đạo. Nghĩa là các chúng sinh do đủ loại mà hành, hoặc là hành xuất ly-hành không xuất

ly, đều có thể dẫn đến quả. Như hành thuộc hành hữu lậu thì sinh trong năm nẻo, hành thuộc hành vô lậu thì đến quả Niết-bàn, gọi là hành hưởng đến khắp nơi. Nếu nhận biết chủng loại hành tích hưởng đến tiến vào như vậy, thì đây là do trí lực về Giới. Nếu nhận biết tất cả phẩm loại ngay nơi hành tích ấy, hành tích như vậy có thể khiến cho tạp nhiễm, hành tích như vậy có thể khiến cho thanh tịnh, thì đây là do trí lực về Biện thú. Lực thứ nhất về Xứ đối với Phi xứ, trong này chỉ trình bày về Chí xứ. Và lại, Lực thứ nhất chỉ về nhân, là nơi đạt được quả, ở đây dựa theo quả là nơi đáp lại nhân, cho nên không giống nhau. Trong kinh thì câu đầu là tổng quát nêu ra, tiếp từ “Nhất niệm tức năng tri tấn tốc...” trở xuống là mười hai chữ, là nhận biết về thời gian-nơi chốn, một câu sau là mở bày chỉ rõ tường tận.

Trong kệ bảy: Tức là Trí lực về Thiên định giải thoát Tam-muội (Tam-muội Thiên định giải thoát), trong phẩm Tịnh Hạnh thêm vào nhiễm-tịnh bởi vì bao gồm hữu lậu-vô lậu, Phật đều khéo léo nhận biết, và nhận biết các quả đã đạt được nhờ vào đây, cho nên gọi là Trí lực. Lực này cùng với Trí lực về Tự nghiệp khác nhau thế nào? Nếu hiểu rõ các cõi (Hữu) có thể tu các Định, thì đó là Lực chủ động tiến vào mà không phải là thụ động, còn lại thì gọi là Lực về Tự nghiệp. Nếu hiểu rõ dựa vào Định như Tĩnh lực... như vậy, hiện bày ba loại thần biến, truyền thụ không trái ngược mà giáo hóa hữu tình, thì đây là do Trí lực về Tĩnh lực. Trong kệ, nửa kệ trước là pháp đã nhận biết, nửa kệ sau là khéo léo vận dụng. Nói Phật vì chúng sinh mà thị hiện, là chỉ ra các Định ấy, hiện bày ba loại thần biến, khiến cho hữu tình hoan hỷ, làm cho rửa sạch phiền não, tức là khiến cho loại bỏ cấu nhiễm mà đạt được thanh tịnh.

Trong kệ tám: Tức là Trí lực về Túc trú tùy niệm, nghĩa là đời trước kia trú trong việc làm của mình-sinh hoạt của mình-cảnh giới quá khứ, cho nên gọi là Túc trú. Đối với Túc trú này mà khởi lên tùy theo nghĩ đến, nghĩ đến cùng với Trí hiện hành, gọi là Trí lực về Túc trú. Luận Du Già nói: “Nếu nhận biết về nhân của tất cả các nẻo tùy theo nghĩ đến thời gian trước, thì đó là Lực về Biện thú. Nếu nhận biết về sự việc như khổ-vui, tên họ ở thời gian trước, thì gọi là Lực về Túc trú.” Điều này cùng với Trí Luận làm sao có thể giải thích? Nghĩa là Luận ấy nói: Chỉ nhận biết về đời sống xưa kia đã trải qua, không nhận biết về nhân duyên của các nghiệp nối tiếp nhau, chỉ gọi là tất cả phàm phu cũng đạt được. Nếu bao gồm nhận biết về nhân duyên của nghiệp nối tiếp nhau thì gọi là Minh, Nhị thừa có thể đạt được. Nếu nhận biết hai

loại trên là vô lượng vô biên thì gọi là Lực, đây là Lực cũng nhận biết về nhân cho nên thuận theo tổng quát nói rằng: Nếu chỉ nhận biết về nhân thì đó là Lực về Biến thú, nếu nhận biết cả hai thì chính là Lực về Túc trú. Luận Du Già bởi vì đối với nhân của Biến thú, cho nên chỉ nói về quả mà thôi. Trong văn: Câu đầu là nêu ra, Trí có thể nghĩ đến bao gồm ba đời, ba đời hoàn toàn ở trong trí của Phật, hướng hồ đối với tùy theo nghĩ đến, mà không nhận biết ba đời thuận theo môn riêng biệt, cho nên chỉ nói là Túc trú. Câu hai là Sát-na đều hiện rõ, tức là bao gồm thời gian hiện tại rất ngắn; hiện rõ trong lỗ chân lông, tức là nơi chốn có thể hiện rõ rất nhỏ bé. Câu ba tức là sự việc rộng rãi đã hiện rõ-đã nghĩ đến. Câu bốn là kết luận quy về Trí lực, không những có thể nghĩ đến mà cũng có thể hiện rõ.

Trong kệ chín: Tức là Trí lực về Thiên nhãn, chỉ có loại này thuận theo chỗ dựa mà thiết lập tên gọi. Nếu thuận theo cảnh, thì luận Du Già gọi là Trí lực về Sinh tử, nghĩa là chết nơi này-sinh đến nơi khác, rơi vào các nẻo thiện-ác, lớn-nhỏ, tốt-xấu đều có thể nhận biết chính xác. Nhận biết về sinh tử của thời gian trước, gọi là Túc trú, cần phải nhận biết về thời gian sau mới có được tên gọi của Lực này. Nay văn chính là nói đến Phật nhãn, nếu dựa theo năm Nhãn, thì bởi vì các Nhãn còn lại thuộc về Phật, cho nên đều là Phật nhãn. Đây không phải tông chỉ của kinh. Nay dựa vào mười Nhãn, Phật nhãn có thể thấy mười Lực của Như Lai, cho nên một Lực này đã thấu nhiếp mười Lực, nêu ra một làm ví dụ, chín Lực còn lại đều như vậy. Trong văn: Câu đầu là Thể Đại. Câu tiếp là Dụng Đại. Câu tiếp là Dụng thù thắng, bởi vì không có gì sánh bằng. Câu sau cuối là kết luận về rất sâu xa, bởi vì chỉ có Phật mới có thể thuyết giảng. Đã nói nhìn thấy tất cả pháp giới, không phải giới hạn ở vị lai, bởi vì dựa theo tông chỉ riêng biệt, cho nên nhìn thấy tất cả pháp giới đối với môn vị lai.

Trong kệ mười: Tức là Trí lực về Lưu tận, đối với sự giải thoát của mình không có gì mê hoặc-không có gì nghi ngờ, cũng nhận biết về chúng sinh lưu tận mà đạt được Niết-bàn. Đối với điều này nhận biết chính xác gọi là Trí lực. Trong văn: Hai câu đầu là phiền não đã đoạn trừ, các Kiết tức là hiện hành, Tùy miên tức là chủng tử, Tập khí tức là những tập khí còn lại. Nhị thừa không thể nào trừ hết tập khí, cũng không thể nào trừ hết phiền não của người khác, cho nên không gọi là Lực. Hai câu sau là hiển bày về Phật có thể diệt trừ. Nhưng mười Lực trên đây thì Trí tức là Thể, Lực tức là Dụng. Nhưng Trí tức là Lực lại không có tánh riêng biệt, trong này Túc trú tùy niệm tương ứng với Trí

lực, là Lân cận thích; đương nhiên còn lại thuận theo cảnh đều là Y chủ thích, giả sử Thiên nhân thuận theo chỗ dựa, cũng là Y chủ thích. Nếu Túc trú là cảnh, Tùy niệm tương ứng với Trí lực, thì cũng là Y chủ thích. Nhưng mười Lực này hướng về sự việc của chính mình, đều ở trong sự việc của mình, lớn như nước có thể làm sạch, như lửa có thể đốt cháy, đều có Lực của mình. Nếu dựa theo tổng quát thâm nhiếp thì Lực thứ nhất là Đại, nếu dựa theo việc làm đạt được Niết-bàn thì phiền não không còn là Đại. Nếu dùng giải thoát vô ngại mà làm căn bản, thì bình đẳng cùng với bình đẳng.

Trong đoạn tám, tụng của Bồ-tát Pháp Giới ca ngợi Phật xưa kia tu mười Độ hạnh đầy đủ, nay đạt được quả tròn vẹn, có mười một tụng phân hai: Một kệ đầu là tổng quát, mười kệ còn lại là riêng biệt.

Một: Một kệ đầu là tổng quát, lực uy thần của Phật sơ lược có ba loại: 1- Lực thuộc câu sinh, đó là gió không lay động tà áo...; 2- Lực thuộc Thánh uy, đó là các loại công đức như Thông-Minh...; 3- Lực thuộc Pháp uy, đó là pháp lực viên mãn của Ba-la-mật, khiến cho trong năm căn không có các loại không thanh tịnh, chân tay-xương thịt có vô lượng lực, cho nên gọi là thân Vô biên-thân Thường trú-thân Pháp tánh kiên cố không thể hủy hoại. Nói khắp nơi mười phương tức là thân Vô biên, thị hiện rộng lớn gọi là thân Biến hóa, không còn phân biệt là thân Trí bình đẳng, Đại hạnh Bồ-đề là thân Ba-la-mật. Đã đầy đủ từ xưa, là các hạnh đã thành tựu trước kia. Điều khiến cho người nhìn thấy, là Đại quả nay đã xuất hiện.

Hai: Có mười kệ riêng biệt hiển bày, mỗi hai kệ nói về một Độ, đều nửa kệ trước là nói về nhân tu tập xưa kia, nửa kệ sau là nói về quả đạt được hiện tại. Nghĩa của mười Độ, thì trải qua phẩm Thập Hạnh-Thập Địa từ đầu đến cuối cũng phần nhiều phân rõ về điều đó. Cần phải biết đôi chút về tướng ấy, sơ lược đưa ra mười môn: 1- Giải thích tên gọi; 2- Nêu ra Thể; 3- Phân rõ về Tướng; 4- Kiến lập; 5- Thứ tự; 6- Thâu nhiếp lẫn nhau; 7- Tu chứng; 8- Dựa theo Giáo; 9- Quán sát tâm; 10- Giải thích văn.

1) Giải thích tên gọi, lại có hai: Trước là giải thích về tên gọi tổng quát, sau là giải thích về tên gọi riêng biệt.

Trước là tên gọi tổng quát: Ba-la-mật-đa, luận Duy Thức nói: “Chủ yếu là do bảy loại thù thắng nhất mà thâm nhiếp tiếp nhận, mới có thể kiến lập Ba-la-mật-đa: 1- An trú thù thắng nhất, nghĩa là cần phải an trú trong chủng tánh Bồ-tát; 2- Y chỉ thù thắng nhất, nghĩa là cần phải nương vào tâm Đại Bồ-đề; 3- Ý thích thù thắng nhất, nghĩa là cần

phải thương xót tất cả hữu tình; 4- Sự nghiệp thù thắng nhất, nghĩa là cần phải thực hành đầy đủ tất cả các sự nghiệp; 5- Khéo léo thù thắng nhất, nghĩa là cần phải do Trí thuộc Vô tướng mà thâm nhiếp tiếp nhận; 6- Hồi hướng thù thắng nhất, nghĩa là cần phải hồi hướng Vô thượng Bồ-đề; 7- Thanh tịnh thù thắng nhất, nghĩa là cần phải làm cho hai chướng không xen tạp vào nhau, tức là ba thời gian không có hối hận.” Nếu bảy loại hễ thiếu đi một loại thì không đến được bờ giải thoát, vì vậy mười Độ này thuận theo đều có bốn câu phân biệt.

Sau là tên gọi riêng biệt và phần 2- Nêu ra Thể, phần 3- Phân rõ về Tướng, đến văn sẽ giải thích.

4) Kiến lập: Bởi vì trong mười Địa đối trị mười chướng ngại mà chứng mười Chân Như, cho nên chỉ có mười Độ; bởi vì đối trị sáu ngăn che mà từng bước tu theo pháp Phật, từng bước làm cho hữu tình thuần thực, cho nên chỉ nói đến sáu Độ. Trong sáu Độ, ba Độ trước vốn là đạo thuộc chúng sinh tăng thượng, cho nên cảm đến Thể về tài sản và quyền thuộc to lớn; ba Độ sau vốn là đạo thuộc thù thắng quyết định, cho nên có thể điều phục phiền não mà thành thực hữu tình và pháp Phật. Lại ba Độ trước vốn là lợi ích cho hữu tình, cho nên bố thí tài sản không phiền muộn mà nén chịu đựng hữu tình làm cho phiền muộn; ba Độ sau vốn là đối trị phiền não, cho nên chịu khó tu tập gia hạnh vĩnh viễn điều phục-vĩnh viễn diệt trừ. Lại bởi vì ba Độ trước cho nên không trú vào Niết-bàn, bởi vì ba Độ sau cho nên không trú vào sinh tử, có thể làm tư lương cho Niết-bàn Vô trú. Sau chỉ có bốn Độ, là hỗ trợ sáu Độ trước khiến cho đầy đủ, Phương tiện là hỗ trợ cho ba Độ trước, Nguyên là hỗ trợ cho Tinh tiến, Lực là hỗ trợ cho Tĩnh lự, Trí là hỗ trợ cho Bát-nhã, như trong kinh Giải Thâm Mật giải thích.

5) Thứ tự: Nghĩa là do những Độ trước dẫn dắt phát khởi những Độ sau, và do những Độ sau duy trì làm thanh tịnh những Độ trước. Lại những Độ trước là thô, những Độ sau là tế, tu tập từ dễ đến khó theo thứ tự như vậy.

6) Thâu nhiếp lẫn nhau: Mười Độ này, mỗi một Độ đều thâu nhiếp tất cả Ba-la-mật-đa, bởi vì thuận theo lẫn nhau. Luận Bát Nhã nói: “Nghĩa về Bố thí(Đàn) Ba-la-mật thâu nhiếp ở sáu Độ, giúp đỡ để phát sinh pháp Vô úy...” Trí Luận nói: “Có Ba-la-mật chưa trang nghiêm thì không thâu nhiếp, có Ba-la-mật đã trang nghiêm thì thâu nhiếp lẫn nhau.” Nay văn kinh này chắc chắn thâu nhiếp đầy đủ mười Độ, nếu chỉ nói sáu Độ thì sáu Độ thâu nhiếp bốn Độ sau; nếu tách ra làm mười, thì Độ thứ sáu chỉ thâu nhiếp trí Vô phân biệt, bốn Độ sau đều là trí Hậu

đắc thân nhiếp.

7) Tu chứng: Năm phần vị nối thông với nhau tu pháp của Phật mới cứu cánh, mười Độ dựa theo phần vị của nhân, gồm có ba tên gọi, nghĩa là Vô số kiếp thứ nhất, thế lực của Bồ thí... hãy còn bé nhỏ, bị phiền não làm cho khuất phục, chỉ gọi là Ba-la-mật-đa; Vô số kiếp thứ hai trở đi, thế lực từng bước tăng lên, có thể chế phục phiền não, gọi là tiếp cận Ba-la-mật-đa; A-tăng-kỳ kiếp thứ ba, thế lực càng tăng thêm, có thể chế phục hoàn toàn tất cả phiền não, gọi là Đại Ba-la-mật-đa. Vì vậy, trong văn từ trên xuống dưới, thường nói là Ba-la-mật rộng lớn.

8) Dựa theo Giáo: Các giáo có thể suy nghĩ, giáo này cần phải thân nhiếp dung thông từng Độ một, tận cùng quả-bao gồm nhân.

9) Quán sát tâm: Có thể dùng ý mà hiểu được.

10) Trong phần giải thích văn:

Trong kệ một: Trình bày về Thí độ (Bồ thí Ba-la-mật). Quên mình mà tạo thuận lợi cho người, gọi đó là Thí, tức là dùng Vô tham và ba nghiệp đã phát khởi, mà làm tánh của Thí. Thí có ba loại, đó là Tài-Pháp và Vô úy. Nửa kệ trước là nói trong nhân, Đại Bi thực hành bồ thí đã bao gồm ba loại, Bi này cũng là ba loại Tối thắng trước trong bảy loại Tối thắng. Nửa kệ sau là nói trong quả, Tài thí có thể giúp đỡ cho thân, Vô úy thí làm lợi ích cho tâm, Pháp thí giúp đỡ cho Pháp thân, thân vô cùng tuyệt diệu vốn là đạt được quả của thân. Ba loại đều làm cho chúng sinh vui thích, cho nên nhìn thấy thì chắc chắn ưa thích; cũng do đầy đủ bảy loại Tối thắng, cho nên thân tướng vô cùng tuyệt diệu.

Trong kệ hai: Nói về Giới độ (Trì giới Ba-la-mật). Phòng ngừa sai trái-ngăn chặn điều ác, gọi đó là Giới, tức là lúc tiếp nhận tu học về giới Bồ-tát, ba nghiệp làm tánh. Giới có ba loại, Nhiếp luật nghi giới-Nhiếp thiện pháp giới đạt được quả về thân thanh tịnh, Nhiếp chúng sinh giới có thể trừ bỏ đau khổ cho chúng sinh. Rộng khắp mười phương, là bởi vì thân Vô tác giới giống như chúng sinh.

Trong kệ ba: Nói về Nhẫn độ (Nhẫn nhục Ba-la-mật). Có thể tiếp nhận các pháp, không có thể quên được, gọi đó là Nhẫn. Đây là dựa theo phát sinh về Nhẫn. Vả lại, Nhẫn tức là nén chịu đựng được, Nhẫn tức là Tuệ, cùng nén chịu đựng cả Sự-Lý, tức là dùng Tuệ xét kỹ về Vô sân-Tinh tiến và từ đó mà khởi lên ba nghiệp làm tánh. Nhẫn cũng có ba loại, đó là Nhẫn thuộc chịu đựng sự oán hại, Nhẫn thuộc lặng lẽ đón nhận khổ đau, Nhẫn thuộc quan sát kỹ càng về pháp. Kệ nói: Tin hiểu chân thật tức là quan sát kỹ càng về pháp. Sắc tướng viên mãn là quả thuộc hai Nhẫn trước, phát ra ánh sáng thanh tịnh là quả thuộc Nhẫn

thứ ba.

Trong kệ bốn: Nói về Tinh tiến độ (Tinh tiến Ba-la-mật). Rèn luyện tâm đối với pháp, gọi đó là Tinh; tập trung tâm ý cốt phải đạt được, gọi đó là Tiến. Dùng chịu khó và ba nghiệp đã khởi lên làm tánh. Tinh tiến cũng có ba loại: 1- Khoác mặc áo giáp; 2- Thâu nhiếp điều thiện; 3- Làm cho lợi lạc. Câu đầu là bao gồm hai loại trước, bởi vì khác mặc áo giáp Tinh tiến. Luận Du Già giải thích rằng: “Giả sử một ngàn Đại kiếp làm một ngày đêm ở nơi địa ngục, chỉ vì độ thoát cho một chúng sinh.” Câu tiếp tức là Tinh tiến thứ ba. Nửa kệ sau là bao gồm ba quả của Tinh tiến, bởi vì nhân đã lìa xa tướng của thân-tâm, cho nên quả có thể cảm đến thân rộng khắp mười phương.

Trong kệ năm: Nói về Thiền độ (Thiền Ba-la-mật). Tiếng Phạn nói là Thiền-na, Trung Hoa nói là Tĩnh lự, tức là dùng Đẳng trì làm tánh. Tĩnh lự cũng có ba loại, đó là an trú-dẫn dắt phát khởi và hoàn thành việc làm. Đã dẫn dắt phát khởi thân thông, hoàn thành việc làm lợi ích chúng sinh, cho nên nhìn thấy hết sức vui mừng; vui vẻ trú trong pháp hiện tại (Hiện pháp lạc trú), những phiền não không hiện hành, lại giúp đỡ để Tuệ đoạn trừ phiền não, cho nên nhìn thấy phiền não diệt trừ.

Trong kệ sáu: Nói về Bát-nhã độ (Bát-nhã Ba-la-mật). Bát-nhã là tiếng Phạn, Trung Hoa phiên ra là Tuệ, suy xét tìm tòi tỉ mỉ về lý, gọi đó là Tuệ. Độ này và bốn Độ sau, đều lấy Trạch pháp làm Thể. Tuệ cũng có ba loại: 1- Vô phân biệt về Sinh Không; 2- Vô phân biệt về Pháp Không; 3- Vô phân biệt cả hai Không. Nhiếp Luận dùng Gia hạnh-Chánh thể và Hậu đắc làm ba loại, dựa theo sáu Độ mà nói. Kinh Anh Lạc dùng soi chiếu về Hữu-soi chiếu về Vô và soi chiếu về Trung đạo, mà làm ba Quán, là chỉ dựa theo Pháp Không. Nghĩa của ba Quán đến phần sau sẽ trình bày. Tuệ dẫn dắt vạn hạnh, cho nên nói là tu tập vô lượng các hạnh. Nói đầy đủ, là đầy đủ ba loại trên. Nhân như có mắt, cho nên quả đạt được hai ánh sáng của Thân-Trí có thể diệt trừ các pháp tầm tối.

Trong kệ bảy: Nói về Phương tiện độ (Phương tiện Ba-la-mật). Phương tiện tức là khéo léo. Phương nói là phương pháp, Tiệm nói là thuận tiện thích hợp. Bốn Độ sau thì mỗi Độ chỉ có hai loại. Độ đầu gọi là phương tiện hồi hướng và phương tiện cứu giúp. Văn nói: Đủ cách giáo hóa chúng sinh, tức là khéo léo cứu giúp. Đã tu tập thành tựu, bao gồm đối với hồi hướng Bồ-đề. Đã giáo hóa vô biên, quả đạt được mà không gian (Hoàn) thì rộng khắp mười phương, vì chúng sinh chọn lấy

quả thì thời gian (Thụ) tận cùng vị lai mà không dừng nghỉ.

Trong kệ tám: Nói về Nguyên độ (Nguyên Ba-la-mật). Nguyên tức là mong cầu, có nghĩa về thế nguyện quan trọng, dùng Dục-Thắng giải và Tín làm tánh. Nguyên cũng có hai loại, đó là nguyện cầu đạt được Bồ-đề, và nguyện làm lợi lạc cho người khác. Bởi vì nguyện đầu cho nên xuất hiện ở thế gian, bởi vì nguyện sau cho nên cứu giúp chúng sinh không dừng nghỉ.

Trong kệ chín: Nói về Lực độ (Lực Ba-la-mật). Không thể nào khuất phục cho nên hễ suy nghĩ là tu tập, tùy ý vận dụng mà thành tựu, gọi đó là Lực. Lực cũng có hai loại, đó là suy nghĩ chọn lựa và tu tập. Nay nói Lực của pháp, tức là suy nghĩ chọn lựa các pháp mà tu tập. Nhiếp Luận nói nhờ vào hai Lực này, khiến cho sáu Độ trước hiện rõ trước mắt không gián đoạn. Kinh nói: Lực thành tựu tự nhiên, tức là không có Thầy mà thành tựu; không luyện tập mà tất cả đều sắc bén, có gì có thể hủy hoại được?

Trong kệ mười: Nói về Trí độ (Trí Ba-la-mật). Quyết đoán gọi là Trí, nghĩa là hiểu rõ ràng đúng như thật. Trí cũng có hai loại, đó là Trí thọ dụng pháp lạc, Trí thành thực hữu tình. Luận Vô Tánh nói: “Nhờ vào sáu Độ như Thí... mà Trí này thành tựu, lại nhờ vào Trí này mà thành lập sáu loại, gọi là Thọ pháp lạc, bởi vì Diệu Trí này có thể nhận biết rõ ràng chính xác về các Độ như Thí-Giới... này, làm lợi ích cho hữu tình.” Kinh nói: Trí phổ môn, tổng quát thì hàm chứa hai Trí. Riêng biệt phối hợp thì câu đầu là Trí thành thực hữu tình, câu tiếp tức là Trí thọ dụng pháp lạc. Bởi vì hai Trí này không hai, cho nên thành tựu về Lực vô ngại, ánh sáng tỏa ra soi chiếu khắp nơi.

Trong đoạn chín, tụng của cửa Bồ-tát Vân Âm, nói về ngọc Ma-ni và cây Bồ-đề trong quả, ca ngợi về quả thuộc hành của Thập Địa mà xưa kia Phật đã tu tập, có mười một tụng phân hai: Một kệ đầu là tổng quát nêu ra, nghĩa là Đại Dụng của quả Phật, dựa vào hành của Địa xưa kia và kết luận về nơi chốn thuyết giảng; mười kệ còn lại theo thứ tự đều nói về một Địa. Nghĩa về Địa trình bày rộng ở trong phẩm Thập Địa, nay đều sơ lược nói ra mà thôi.

Địa thứ nhất sơ lược nói về bốn nghĩa: 1- Gia hạnh trải qua nhiều kiếp, các luận đều nói Địa tiền là một Tăng-kỳ, đã là vô lượng. Lại có thuyết khác nhưng sợ rằng chán ngán bởi vì văn nhiều. 2- Nêu ra tên gọi của Địa tiến vào. 3- Sinh ra Trí rộng lớn, nghĩa là sinh vào nhà của Như Lai, thấy Thật tánh của pháp, cho nên đạt được Diệu quán sát trí-Bình đẳng tánh trí. 4- Nhìn thấy tất cả Phật hải, giống như trong quả của

Nguyện trí ở văn sau.

Địa thứ hai có bốn nghĩa: 1- Đưa ra pháp mà nêu rõ tên gọi; 2- Hành tướng của Địa riêng biệt; 3- Thời gian tu hành; 4- Cúng dường chư Phật nhiều-ít.

Địa thứ ba có bốn nghĩa: 1- Đưa ra pháp mà nêu rõ tên gọi, cao nhất giữa thế gian nói là tích chứa phước đức; 2- Tu các Thiền định; 3- Chú trọng nhiều về Nhẫn Ba-la-mật; 4- Văn trì rộng lớn.

Địa thứ tư có bốn nghĩa: 1- Ca ngợi về Tuệ mà nêu rõ tên gọi, bởi vì thế gian không gì sánh được; 2- Hiểu rõ cảnh giới của Đạo phẩm, bởi vì khác với phàm phu; 3- Khởi tâm Từ Bi, bởi vì khác với Tiểu thừa; 4- Thân và quốc độ thanh tịnh, bởi vì lìa xa Thân kiến.

Địa thứ năm có bốn nghĩa: 1- Nêu rõ về Địa tiến vào, nghĩa là tích tập phước trí cho nên nói là Phổ Tạng, mười tâm bình đẳng cho nên nói là Đẳng Môn; 2- Nêu rõ tên gọi của Địa; 3- Chân và Tục vô cùng trái ngược, hiểu rõ khiến cho thuận theo nhau; 4- Để pháp và cảnh Tục, tất cả đều quán sát bình đẳng.

Địa thứ sáu có bốn nghĩa: 1- Ca ngợi về hành; 2- Nêu ra tên gọi; 3- Chính thức hiển bày về hành tướng, tức là hiểu rõ về pháp duyên khởi; 4- Trình bày về Dụng của Địa, bởi vì đạt được Tam-muội Thập Không.

Địa thứ bảy có bốn nghĩa: 1- Trước là nêu rõ về Dụng của quả; 2- Soi chiếu thông hiểu về mọi căn cơ; 3- Cùng thực hành mà khéo léo thâm nhiếp; 4- Dựa vào hành mà nêu rõ tên gọi.

Địa thứ tám có bốn nghĩa: 1- Hành tướng của Địa riêng biệt; 2- Trình bày về quả của Tịnh độ; 3- Sơ lược giải thích tên gọi của Địa; 4- Ca ngợi về Địa kết thúc thuyết giảng.

Địa thứ chín có bốn nghĩa: 1- Nêu rõ tác dụng của Địa; 2- Khéo léo thông hiểu về giáo pháp; 3- Nêu ra chỉ rõ tên gọi của Địa; 4- Hành rộng lớn trải qua nhiều kiếp.

Địa thứ mười có bốn nghĩa: 1- Nêu rõ thành lập tên gọi của Địa; 2- Hàm chứa những làn mưa giáo pháp; 3- Có thể che phủ giống như hư không rộng lớn; 4- Sâu rộng khó lường, cho nên nói là cảnh giới Phật.

Các kệ phần nhiều có kết thúc thuyết giảng, văn đều có thể biết.

Trong đoạn mười, nghi thức nói tụng của Bồ-tát Thiện Dững Mãnh. Các văn trước phần nhiều đều quán sát Chúng hội, ở đây quán sát mười phương, quán sát Chúng hội là biểu thị cho tâm không thiên lệch, quán sát mười phương là biểu thị cho sự thuyết giảng rộng khắp mọi nơi, hai văn phỏng theo tóm lược. Mười tụng ca ngợi về đức tự tại ứng với căn

cơ thuộc Thể-Dụng của Phật, văn phân làm ba: Đầu là một tụng tổng quát hiển bày, tiếp là tám tụng riêng biệt trình bày, sau là một tụng kết thúc ca ngợi quy về Phật, trong mỗi một tụng đều có bốn nghĩa.

Đầu là một tụng tổng quát ca ngợi Đức Phật khiến cho chúng sinh tỏ ngộ tiến vào phước trí. Có bốn nghĩa: 1- Nhiều chúng; 2- Tâm khác nhau; 3- Tỏ ngộ về Trí; 4- Hiểu rõ về phước, trang nghiêm tức là phước. Cũng bao gồm hai trang nghiêm, đều là Đức Phật khiến cho như vậy, cho nên hiển bày về đức của Chúng tức là ca ngợi Đức Phật.

Trong phần tiếp là tám tụng riêng biệt trình bày:

Trong tụng một, nhìn thấy Thể-Dụng của Phật, cũng có bốn nghĩa: 1- Phát khởi về Nguyện; 2- Đầy đủ về Hạnh; 3- Nhìn thấy Thể; 4- Nhìn thấy Dụng.

Trong tụng hai, nhìn thấy Pháp thân, có bốn nghĩa: 1- Thù thắng bởi vì không gì sánh được; 2- Thanh tịnh bởi vì không có gì ngăn ngại; 3- To lớn bởi vì rộng khắp mọi nơi; 4- Sâu rộng bởi vì hàm chứa tất cả.

Trong tụng ba, nhìn thấy Sắc thân của Phật, cũng có bốn nghĩa: 1- Sắc vi diệu, nghĩa là như vàng ròng...; 2- Tướng đầy đủ như tướng của mười Hoa Tạng...; 3- Ánh sáng rực rỡ tràn đầy, nghĩa là thường tỏa ra...; 4- Biến hóa tùy theo căn cơ, nghĩa là ba thước-vô biên...

Trong tụng bốn, nhìn thấy Trí thân của Phật, cũng có bốn nghĩa: 1- Vô ngại bởi vì Chân-Tục không ngăn ngại; 2- Giống như hư không bởi vì xứng với pháp tánh; 3- Nhận biết căn cơ; 4- Khéo léo hiện bày.

Trong tụng năm, hiểu rõ âm thanh của Phật, cũng có bốn nghĩa: 1- Âm thanh rộng khắp mọi nơi; 2- Thuyết giảng thuận theo căn khí; 3- Ngôn từ cùng loại; 4- Ứng hiện vô ngại.

Trong tụng sáu, nhìn thấy ánh sáng rực rỡ của Phật, cũng có bốn nghĩa: 1- Nhiều chủng loại; 2- Soi chiếu khắp nơi; 3- Được thấy Phật; 4- Hiện bày biến hóa.

Trong tụng bảy, nhìn thấy ánh sáng nơi sợi lông của Phật, cũng có bốn nghĩa: 1- Hiển bày về tên gọi của ánh sáng; 2- Trình bày về nơi phát ra; 3- Nêu rõ về nhân xưa kia; 4- Khiến cho tin tưởng hiểu rõ.

Trong tụng tám, nhìn thấy tướng phước đức của Phật, cũng có bốn nghĩa: 1- Nhìn thấy tướng của phước; 2- Hiểu rõ về nhân của phước; 3- Nêu ra Thể của nhân; 4- Trình bày về nơi nhìn thấy.

Sau là một tụng kết thúc ca ngợi về đức rộng lớn, cũng có bốn nghĩa: 1- Số nhiều; 2- Sâu rộng; 3- Dụng rộng khắp; 4- Kết thúc thuyết giảng, nghĩa là suy ra công đức quy về Đức Phật, khiêm nhường vì mình không có năng lực.

Trên đây là tổng quát trình bày về phần 8- Trong pháp tòa xuất hiện Đại chúng, xong.

Từ đây trở xuống là phần 9- Trình bày về trời đất hiện rõ điềm lành: Nghĩa là mặt đất rung động-phát khởi cúng dường, tức là bằng chứng rõ ràng. Trên đây là nói về Đức Phật thành tựu Chánh giác, vô lượng Đại chúng vân tập, đều tỏ lòng vui mừng ca ngợi hiển bày công đức cao sâu của Phật, mà dưới thì xứng với tình thức của căn cơ, trên thì cùng chung ý nguyện của Phật, cho nên các bậc Thế chủ vì thế mà phát khởi cúng dường, trời đất vì thế mà hiện rõ điềm lành. Dựa vào văn phân hai: Trước là mặt đất rung động, sau là phát khởi cúng dường.

Trong phần trước có ba: Một: Nơi chốn rung động; Hai: Nguyên nhân rung động; Ba: Tướng trạng rung động.

Một: *Nơi chốn rung động*: Từ hẹp đến rộng. Lại nói là Hoa Tạng, là dựa theo kết luận nối thông ở phần sau, thật sự thì rộng khắp pháp giới, chư Thiên trùng trùng đều ở trong thế giới Hoa Tạng, cho nên nói: Nơi ấy có gì không bao gồm? Lại bởi vì nhiễm-tịnh dung thông, cho nên tuy nêu ra nước Ma-kiệt mà mặt đất rung động thuộc về thế giới Hoa Tạng.

Hai: *Trong nguyên nhân rung động*: Dựa vào Chủ đề hiển bày thù thắng, chỉ trình bày về Phật lực là đạo cảm ứng đan xen nhau, cũng do căn cơ của chúng sinh. Nhưng trình bày rộng về nguyên nhân rung động, gồm có mười loại, nay thích hợp là Chuyển Pháp luân cũng bao gồm Thành Đạo, còn lại như chương riêng biệt sẽ nói.

Ba: *Tướng trạng rung động*: Dưới mặt đất ấy thì Chấn tức là âm thanh, Động tức là hình tướng, âm thanh bao gồm gầm rít-va chạm, hình tướng bao gồm tung vọt-nhảy lên. Vốn có sáu loại, sáu loại này đều có ba là thành mười tám tướng, lung lay không yên là Động, từ dưới thấp dần lên cao là Khởi, bỗng nhiên vọt lên cao là Dũng, phát ra âm thanh văng vẳng là Chấn, âm thanh mạnh mẽ không phát ra được là Hống, âm âm phát ra tiếng vang là Kích. Mười tám tướng, chỉ có một phương rung động mãi như vậy gọi là rung động; bốn phương nếu theo thứ tự, hoặc là cùng một lúc rung động thì gọi là rung động khắp nơi; nếu tám phương theo thứ tự, hoặc là cùng một lúc rung động thì gọi là rung động rộng khắp mọi nơi. Lại bốn phương-tám phương-mười phương như thứ tự, gọi là ba tướng rung động. Lại một phương rung động riêng biệt, mười phương theo thứ tự rung động, mười phương cùng một lúc rung động, lại là ba tướng. Năm loại còn lại ví dụ như vậy.

Nhưng rung động bởi vì điều gì? Dựa vào kinh Thắng Tư Duy

Phạm Thiên, có bảy nguyên cơ: 1- Bởi vì làm cho các ma sợ hãi; 2- Bởi vì lúc thuyết pháp làm cho tâm của Đại chúng không tán loạn; 3- Bởi vì khiến cho người phóng túng phát sinh hiểu biết; 4- Bởi vì khiến cho chúng sinh biết về tướng của pháp; 5- Bởi vì khiến cho chúng sinh quán sát nơi chốn thuyết pháp; 6- Bởi vì khiến cho người đã thành thực đạt được giải thoát; 7- Bởi vì khiến cho tùy thuận mà thưa hỏi về nghĩa chính yếu.

Bảy duyên trên đây chính là nguyên cơ của kinh này. Địa Luận có bốn, nhưng không phải là văn này. Trên đây là dựa theo Khí thế giới bên ngoài; nếu như mặt đất của tâm, mặt đất của Thánh Hiền, mặt đất của pháp tánh, thì cũng có nghĩa về chấn động có thể rỗng rang mà tìm cầu.

Trong phần sau là phát khởi cúng dường, có ba: Một: Nêu ra số lượng, chúng Đồng sinh cũng được gọi là Chủ, bởi vì làm chỗ dựa cho chúng sinh; Hai: Từ “Số vị...” trở xuống là sơ lược nêu ra; Ba: Từ “Thử chư...” trở xuống là kết luận về rộng khắp.

Phần 10: Từ “Như thử...” trở xuống là kết luận về nối thông vô tận, văn phân ra có hai: Một-Kết luận về bên trong thế giới Hoa Tạng; hai-Kết luận về bên ngoài thế giới Hoa Tạng.

Trong phần một cũng có hai: Trước là nêu ra thế giới này; sau từ “Kỳ Hoa Tạng...” trở xuống là tất cả các thế giới giống như trong thế giới Hoa Tạng. Trong đó có ba:

1) Tương tự phát khởi cúng dường vô lượng Đại chúng. Tất cả các thế giới, nghĩa là trong thế giới Hoa Tạng có mười loại thế giới như số vi trần trong vô lượng thế giới Phật (Bất khả thuyết Phật sát), trong mỗi một loại đều có thế giới như số vi trần trong vô lượng vô biên thế giới Phật (Bất khả thuyết-bất khả thuyết Phật sát), trong tất cả thế giới như thế đều có Thế chủ mà thực hiện cúng dường.

2) Từ “Kỳ nhất thiết...” trở xuống là tương tự Phật an tọa nơi đạo tràng, nhưng có hai nghĩa: a-Các Thế chủ ấy đều cúng dường Đức Phật ở nơi thế giới ấy; b-Các Thế chủ ấy cũng cúng dường Đức Phật ở thế giới này, Đức Phật ở thế giới này cũng an tọa nơi đạo tràng ở thế giới kia.

3) Từ “Nhất nhất...” trở xuống là tương tự kết luận về Đại chúng đạt được pháp, trong đó có mười một câu, là nói về nghe pháp đạt được lợi ích.

Đạt được lợi ích có ba: Một: Lợi ích của Văn, bởi vì tất cả đều tin hiểu, nghĩa là tin tưởng lời nói ấy mà hiểu rõ về nghĩa ấy. Hai: Lợi ích

của Tư, nghĩa là suy nghĩ duyên theo xét kỹ đối với pháp đã hướng về.
Ba: Lợi ích của Tu.

Lợi ích của Tu có bảy: 1: Môn của Tu, đó là Tam-muội mà phương tiện. 2: Pháp của Tu, đó là tư lương mà trợ đạo. 3: Quả của Tu, bởi vì hợp với lý mà thành tựu. 4: Ích lợi của Tu, bởi vì hễ có pháp đã đạt được thì trở thành pháp hỷ. 5: Chuyển đổi của Tu, bởi vì tất cả đều hướng về tiến vào pháp môn của Vô lượng Thừa, và Chúng sinh giới. 6: Giống như Tu, bởi vì hiểu rõ về pháp môn, hợp với Thánh nhân trước kia. 7: Cao nhất của Tu.

Cao nhất của Tu có ba: a) Đại Bi cao nhất, tiến vào cảnh giới thần thông của Phật, tiến vào cảnh giới thần thông của Phật chỉ vì lợi ích cho chúng sinh, cho nên thành tựu Ân đức này; b) Đại Trí cao nhất, tiến vào cảnh giới uy lực của Phật, cảnh giới uy lực của Như Lai là Bi-Trí siêu tuyệt, không có năng lực đạt tới, cho nên thành tựu Trí đức của Phật; c) Tự tại cao nhất, tiến vào môn giải thoát của Như Lai, tâm-cảnh tự tại không còn tất cả chướng ngại, cho nên thành tựu Đoạn đức của Phật, cũng tức là các môn giải thoát trước đây.

Hai: từ “Như ư thử...” trở xuống là kết luận về bên ngoài thế giới Hoa Tạng, nghĩa là dùng thế giới Hoa Tạng để ví dụ cho pháp giới, đều có Hội này, cùng làm thành một Hội thuộc Đại pháp giới, mới đúng là thuyết giảng về Hoa Nghiêm vô tận.

Mười đoạn trên đây, tổng quát trình bày về phần Nhân duyên phát khởi giáo pháp, xong.

